

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HSST

Ngày: 14/4/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương Nga và bà Nguyễn Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đình Nghị- Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2022/HSST, ngày 21/3/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HS ngày 01/4/2022, đối với bị cáo: **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, con bà Nguyễn Thị H1; Vợ là Nguyễn Thị Ngọc H2 (đã ly hôn năm 2018); Có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nam Sách;

Có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H2- sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Y, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*\* Những người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn T1- sinh năm 1966. (Có mặt).
- Bà Nguyễn Thị H1- sinh năm 1966. (Có mặt).
- Bà Trần Thị T2- sinh năm 1964. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2011, Nguyễn Duy T có quen biết và nảy sinh tình cảm với chị Nguyễn Thị Ngọc H2- sinh ngày 24/7/1996, trú quán tại xóm 6, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Cuối tháng 11/2011, chị H2 về sinh sống, quan hệ tình dục với Nguyễn Duy T tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đến tháng 12/2011 chị H2 biết mình có thai nên Nguyễn Duy T và chị H2 có xin phép bố mẹ hai bên để làm lễ cưới và kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn được vì khi đó chị H2 chưa đủ tuổi. Đến ngày 09/8/2012, tại Trung tâm y tế huyện Nam Sách, chị H2 đẻ con gái và đặt tên là Nguyễn Ngọc Hoàng L, khi chị H2 đẻ cháu L thì chị H2 mới 16 tuổi 15 ngày. Đến ngày 29/7/2014, khi chị H2 đã đủ tuổi kết hôn thì chị H2 và T đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Tháng 01/2018, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H2 đã nộp đơn xin ly hôn với Nguyễn Duy T tại TAND huyện Nam Sách. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn xét thấy có dấu hiệu của tội phạm nên TAND huyện Nam Sách đã kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bệnh án của Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Sách xác định: Chị Nguyễn Thị Ngọc H2- sinh ngày 24/7/1996, đến Bệnh viện đẻ vào ngày 09/8/2012 (chị H2 16 tuổi 15 ngày) đẻ con so (con đầu lòng) đủ 42 tuần (thuộc trường hợp sinh con đủ tháng, không bị đẻ non).

Tại bản Kết luận giám định số 9009/C09-TT3 ngày 13/12/2021 của Viện Khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: Anh Nguyễn Duy T và cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L có quan hệ huyết thống cha đẻ- con đẻ với xác suất là 99,999%; Tại bản Kết luận giám định số 9087/C09-TT3 ngày 07/01/2022 của Viện Khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: Chị Nguyễn Thị Ngọc H2 là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L với xác suất là 99,999%.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-NS ngày 21/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Duy T về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Duy T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức hình phạt nhẹ nhất để sớm được về với gia đình nuôi con.

Bị hại vắng mặt có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng bà T2 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Giao cấu với trẻ em”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 36 đến 39 tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 14/12/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Không phải xử lý. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại chị H2, người làm chứng bà T2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên,

trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định huyết thống, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 11/2011, tại thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Duy T có quan hệ tình dục với chị Nguyễn Thị Ngọc H2- sinh ngày 24/7/1996 (khi đó chị H2 dưới 16 tuổi) dẫn đến chị H2 có thai và đã sinh con tên là Nguyễn Ngọc Hoàng L- sinh ngày 09/8/2012 (khi sinh con chị H2 mới 16 tuổi 15 ngày).

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe tình dục, danh dự, nhân phẩm của trẻ em, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ 13 đến dưới 16 tuổi. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi giao cấu, dẫn đến bị hại có thai và đã sinh con. Hành vi của bị cáo thực hiện tại thời điểm năm 2011 nên đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Nguyễn Duy T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng:

5.1. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

5.2. Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo, đồng thời tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa chung với xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc H2, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không phải giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng quy định các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T **03 (Ba)** năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 14/12/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Nam Sách;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THA.HS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Bách**